

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021; về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2021, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H, trình bày: Không nhớ ngày tháng năm chị và anh T cưới nhau, chỉ nhớ cưới nhau cách nay khoảng 23 - 24 năm, vì nhớ cưới xong được vài tháng sau thì sinh con, chị và anh T không có đăng ký kết hôn, vì không biết quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối nhưng chị cũng đồng ý kết hôn cùng anh T. Sau khi cưới chị và anh T cùng sinh sống bên gia đình anh T được khoảng 7-8 tháng thì cất nhà ra ở riêng và cùng nhau đi làm tại Thành

phố Hồ Chí Minh đến năm 2018 thì về quê sinh sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, vui vẻ, không nhớ năm chỉ nhớ cách nay 4-5 năm thì chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân do chị và anh T không còn tình cảm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã những chuyện lặt vặt trong gia đình, anh T còn đánh và chửi mắng chị, chị có báo chính quyền địa phương và chính quyền địa phương có mời hai bên đến hòa giải. Chị và anh T không còn sống chung cách nay được 8 - 9 tháng, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T, trình bày: Anh và chị H cưới nhau cách nay 25 năm, không đăng ký kết hôn, vì không biết vợ chồng cưới nhau phải đăng ký kết hôn, sau này biết nhưng thấy vợ chồng lớn tuổi nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh và chị H cùng sinh sống bên gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ, thiếu nợ nên anh buồn và đánh chị H. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Khi Tòa án hòa giải anh không đồng ý ly hôn, vì còn thương chị H, muốn vợ chồng về chung sống, hàn gắn nhưng chị H cương quyết ly hôn và không còn tình cảm với anh thì anh thống nhất ly hôn.

2. Về việc nuôi con: Chị H và anh T thống nhất trình bày: Anh chị chung sống có một con chung, con trai Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/3/1999 đã trưởng thành, có khả năng lao động và sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về chia tài sản chung: Chị H và anh T thống nhất trình bày: Anh chị chung sống có 01 căn nhà cấp 4, không rõ diện tích, nhà tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh Đ, 02 chiếc xe honda do con chung Bảo N đứng tên sở hữu và đang quản lý, không nhớ biển số xe, 01 chiếc xe SH mode có biển số 66G1-448.54 do chị H đứng tên quyền sở hữu và đang quản lý. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Tài sản chung anh, chị đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án.

4. Về nợ chung: Chị H, anh T thống nhất trình bày: Anh chị chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T, vì chị H, anh T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Về con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/3/1999 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đề cập đến. Tài sản chung: Chị H, anh T tự thỏa

thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và anh T hiện đang cư trú tại ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 1998 và theo xác nhận ngày 18/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã A thì chị H, anh T chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị H, anh T đều thừa nhận có mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và anh T đánh, chửi chị H nên chị H yêu cầu ly hôn và anh T cũng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tuy chị H, anh T thỏa thuận thống nhất ly hôn và cũng là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị H, anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì quan hệ hôn nhân không hợp pháp, việc kết hôn không có giá trị pháp lý nhưng chị H yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/3/1999 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, sinh sống được. Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Chị H, anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0012925 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về việc nuôi con: Con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/3/1999 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, sinh sống được.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0012925 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/3/2021).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung